TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-PT
Ngày: 04 - 04 - 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Hồng Hạnh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Ông Nguyễn Văn Khương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 3 năm 2019 và ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLPT-DS ngày 15/01/2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐ-PT ngày 25/02/2019, Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 03/2019/QĐ-PT ngày 14/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Chu Văn N, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước.
Người đại diện theo ủy quyền là ông Chu Văn T, sinh năm 1956.(có mặt).
Địa chỉ: 449, Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 8, ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông Trần Xuân H, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: Đường L, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Gia N, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: 455, Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Xuân H là ông Nguyễn Doãn H, sinh năm 1956.(có mặt).
Địa chỉ: 467/7 Đại lộ B, khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Người kháng cáo: Ông Bùi Gia N người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/20018, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Chu Văn T trình bày:

Vào ngày 09/01/2017, bà Nguyễn Thị T có vay của ông Chu Văn N số tiền 600.000.000 đồng, việc vay mượn có làm giấy tờ và có chứ ký của bà Nguyễn Thị T, hẹn đến ngày 17/01/2017 sẽ trả. Khi vay tiền, bà T có nói để sử dụng cho công việc của gia đình .

Đến hẹn nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông N đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bà T trả nợ, bà T hẹn đến ngày 26/12/2016 (âm lịch) sẽ trả. Đến hẹn bà T không trả tiền. Nhận thấy, bà T có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản nên vào tháng 02/2017 ông N đã làm đơn gửi công an tỉnh Bình Phước để tố giác hành vi của bà T. Ngày 27/11/2017, Công an tỉnh Bình Phước ra thông báo số 176/TB-PC45 về việc không khởi tố vụ án hình sự.

Sau khi biết bà T và chồng là ông Trần Xuân H đã làm đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho ly hôn bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 157/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017, ông N đã gặp bà T để yêu cầu trả nợ thì bà T có trả cho ông N 02 lần vào ngày 30/8/2017 với số tiền 50.000.000 đồng và ngày 16/9/2017 trả 50.000.000 đồng. Hai lần trả tiền này có làm giấy tờ và có chữ ký của ông N. Số tiền còn nợ lại là 500.000. 000 đồng bà T có tình không trả cho ông N.

Nay, ông Chu Văn N đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T và ông H phải trả số tiền gốc đã vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể phần tiền lãi như sau:

Tiền lãi được tính từ ngày 17/01/2017 đến ngày 30/8/2017 là 600.000.000 đồng x 7 tháng 13 ngày x (10%/năm) = 37.166.000 đồng;

Từ ngày 01/9/2017 đến ngày 16/9/2017 là 550.000.000 đồng x 16 ngày x (10%/năm) = 2.444.000 đồng;

Từ ngày 17/9/2017 đến ngày 01/01/2018 là 500.000.000 x 03 tháng 15 ngày x (10%/năm) = 14.583.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 97.920.000 đồng. Tổng số tiền ông N yêu cầu bà T và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả là 597.920.000 đồng.

Ngoài ra, ông N không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Xuân H là ông Bùi Gia N trình bày:

Ông Trần Xuân H không vay số tiền 600.000.000 đồng của ông N theo giấy vay tiền và đơn khởi kiện mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Việc bà T có vay tiền của ông N hay không thì chỉ một mình bà T chịu trách nhiệm trả nợ cho ông N. Ông N cho rằng trong thời gian vay tiền giữa ông H và bà T là vợ chồng nhưng trên thực tế ông H và bà T đã ly thân từ trước khi ký giấy vay tiền nên mọi công sức đóng góp của vợ chồng đều không có. Bà T không sử dụng số tiền vay cho công việc gia đình.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi đến khi xét xử là 97.920.000 đồng thì ông H không đồng ý và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông N về việc buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nói trên cho ông N. Ngoài ra, ông H không có yêu cầu nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chu Văn N. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Xuân H phải liên đới trả cho ông Chu Văn N tổng số tiền cả gốc và tiền lãi chậm trả là 597.944.443 đồng (trong đó tiền vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 97.944.443 đồng); chia theo phần, bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Chu Văn N số tiền là 298.972.222 đồng. Ông Trần Xuân H phải trả cho ông Chu Văn N số tiền là 298.972.222 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 17/12/2018, ông Bùi Gia N người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Xuân H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ vì Tòa cấp sơ thẩm thu thập, đánh giá chứng cứ còn thiếu sót, không triệt để, không đúng pháp luật, vi phạm nghiệm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân H và người đại diện theo ủy quyền của ông Chu Văn N là ông Chu Văn T thống nhất tự nguyện thỏa thuận với nhau nội dung: Ông Trần Xuân H tự nguyện trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị T (vợ cũ) số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền đề ngày 09/01/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân H và người đại diện theo ủy quyền của ông Chu Văn N là ông Chu Văn T thống nhất tự nguyện thỏa thuận với nhau nội dung: Ông Trần Xuân H tự nguyện trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị T (vợ cũ) số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền đề ngày 09/01/2017.

Xét, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, do vậy cần sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được sửa lại như sau: Ông Trần Xuân H phải chịu 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Chu Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 13.083.860 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024528, quyển số 000491 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm nên ông H không phải chịu.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, 309, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Các điều 288, 357,463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Gia N là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Xuân H.

[I] Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nguyên đơn ông Chu Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân H.

Buộc ông Trần Xuân H phải trả cho ông Chu Văn N số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Xuân H phải chịu 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Chu Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 13.083.860 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024528, quyển số 000491 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Xuân H không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ hoàn trả cho ông H số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010621 ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Đ;
- CCTHA dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, HCTP, TDS).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh